

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG DOANH NGHIỆP

TS Khổng Quốc Minh

Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Ngày nay, đổi mới sáng tạo (ĐMST) là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu khoa học, hoạt động sản xuất kinh doanh, các văn bản quản lý nhà nước, trên các phương tiện truyền thông với hàm ý ĐMST giúp nâng cao năng suất, thúc đẩy lợi thế cạnh tranh và thương mại, qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế. Bài viết cung cấp thêm góc nhìn về ĐMST, mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới và sáng tạo; đồng thời làm rõ hơn vấn đề sở hữu trí tuệ (SHTT) trong đổi mới và sáng tạo.

Hiểu đúng về ĐMST

Ở khía cạnh SHTT, kết quả của sáng tạo là tài sản trí tuệ (TSTT). TSTT có thể là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp..., nó cũng bao gồm các đối tượng quyền SHTT như tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; sáng chế, giải pháp hữu ích (GPHI), kiểu dáng công nghiệp (KDCN), thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh; giống cây trồng mới. Các TSTT có thể được bảo hộ theo pháp luật SHTT hoặc theo cơ chế đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đăng ký xác lập quyền) hoặc theo cơ chế tự xác lập quyền khi thỏa mãn các điều kiện, tiêu chuẩn bảo hộ của luật SHTT. Sáng tạo là quá trình liên tục, gồm nhiều yếu tố đầu vào, trong đó TSTT đóng vai trò quan trọng, là tri thức giúp con người nhận thức nó, cải biến nó thành TSTT mới, có lợi ích lớn hơn (tăng năng suất, tăng hiệu quả, tiết kiệm, giảm giá thành, thuận tiện khi sử dụng, thân thiện với môi trường...).

Đổi mới là sự thay đổi, tạo ra tính mới đối với doanh nghiệp, là quá trình chuyển ý tưởng, tri thức thành một kết quả cụ thể như sản



Mối quan hệ giữa sáng tạo và SHTT trong tổ chức/doanh nghiệp.

phẩm, dịch vụ, giải pháp..., mang lại lợi ích gia tăng cho kinh tế - xã hội (nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa). Tính mới ở đây phụ thuộc vào điều kiện của tổ chức/doanh nghiệp: sự đổi mới có thể đã được thực hiện bởi các tổ chức/doanh nghiệp khác nhưng nó là mới đối với tổ chức/doanh nghiệp này. Tính mới còn phụ thuộc vào từng thị trường: mới ở thị trường này nhưng không còn mới ở thị trường khác. Theo đó, đổi mới là quá trình áp dụng giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp tân tiến hơn; nó cũng bao gồm quá trình khai thác TSTT, nhất là TSTT đã được bảo hộ để tạo ra sản phẩm mới, quy trình mới, giải pháp mới có lợi thế về năng suất, hiệu quả kinh tế, thương mại và cạnh tranh.

Kết quả của quá trình đổi mới dẫn đến việc: (i) Đổi mới sản phẩm: một sản phẩm mới hoặc

được cải tiến đáng kể đối với các đặc tính hoặc mục đích sử dụng của nó, bao gồm những cải tiến đáng kể trong các chi tiết kỹ thuật, các thành phần và nguyên liệu, phần mềm tích hợp, tính thân thiện với người sử dụng hoặc các đặc tính, chức năng khác; (ii) Đổi mới quy trình: bao gồm những thay đổi đáng kể về kỹ thuật, thiết bị hoặc phần mềm... dẫn đến thực hiện phương pháp sản xuất hoặc phương thức phân phối mới hoặc cải tiến; (iii) Đổi mới quản lý, tổ chức: thực hiện một phương pháp quản lý mới, tổ chức mới trong thực tiễn kinh doanh, cơ cấu lại tổ chức hoặc quan hệ với bên ngoài; (iv) Đổi mới tác nghiệp, ví dụ đổi mới marketing: thực hiện một phương pháp marketing mới liên quan đến sự thay đổi đáng kể trong thiết kế sản phẩm hoặc bao bì, nơi bán sản phẩm, quảng bá sản phẩm hoặc giá cả của sản phẩm. Do đó, theo tác giả, hoạt động đổi mới được mô hình hóa như sau:

Diễn đàn Khoa học và Công nghệ



Mô hình hóa hoạt động đổi mới trong tổ chức/doanh nghiệp.

Mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới và sáng tạo

Theo điểm 16 Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2013, ĐMST được sử dụng với nội hàm là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa. Ở khái niệm ĐMST đã được luật hóa này có thể thấy, sáng tạo được thể hiện ở việc tạo ra giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý; đổi mới được thể ở việc ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý. Kết quả của ĐMST là nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa. Tuy nhiên, trong khái niệm này không chỉ rõ sáng tạo có trước hay đổi mới có trước, cũng như trường hợp áp dụng.

Trong thực tiễn, đổi mới và sáng tạo là hai hoạt động không thể tách rời, chúng có mối quan hệ biện chứng, bổ trợ, đan xen nhau: trong đổi mới có sáng tạo, trong sáng tạo có đổi mới. Tùy từng hoàn cảnh, ngữ cảnh mà ở thời điểm bắt đầu nào đó của tổ chức/doanh nghiệp, đổi mới có trước và chuyển hoá sáng tạo, quyết định sáng tạo; hoặc ngược lại sáng tạo có trước, là điểm bắt đầu cho quá trình đổi mới và quyết định đổi mới. Thực tế, tất cả các doanh nghiệp mới đều được sinh ra từ một sự phát triển mang tính đổi mới, ít

nhất là so với các đối thủ cạnh tranh hiện có trên thị trường. Tuy nhiên, nếu muốn tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải liên tục đổi mới - ngay cả khi đang dẫn đầu về thị trường. Hơn nữa, sự bùng nổ về mặt công nghệ, vòng đời công nghệ đang ngày càng được rút ngắn, sự toàn cầu hóa công nghệ ngày càng mạnh mẽ nên để tăng hiệu quả về mặt kinh tế, quản lý, tăng năng suất và năng lực cạnh tranh thì yêu cầu đổi mới công nghệ ngày càng tăng. Do đó, thông thường trong tổ chức/doanh nghiệp, yêu cầu về đổi mới được đặt ra trước và là mục tiêu của sáng tạo. Kết quả, ta có một chu kỳ ĐMST. Nếu muốn tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải liên tục ĐMST - ngay cả khi đang dẫn đầu về thị trường. Bản thân những tiến bộ kỹ thuật không đủ để đảm bảo thành công nên ĐMST cũng bao gồm cả dự đoán nhu cầu của thị trường, cung cấp chất lượng hoặc dịch vụ bổ sung, tổ chức hiệu quả, nắm vững các chi tiết và kiểm soát chi phí, lúc này tổ chức/doanh nghiệp lại có một chu kỳ ĐMST tiếp theo. Để cạnh tranh, các đối thủ cũng không ngừng ĐMST theo các cách và phương thức khác nhau. Cứ như vậy hình thành nên chu trình ĐMST.



Chu trình ĐMST.

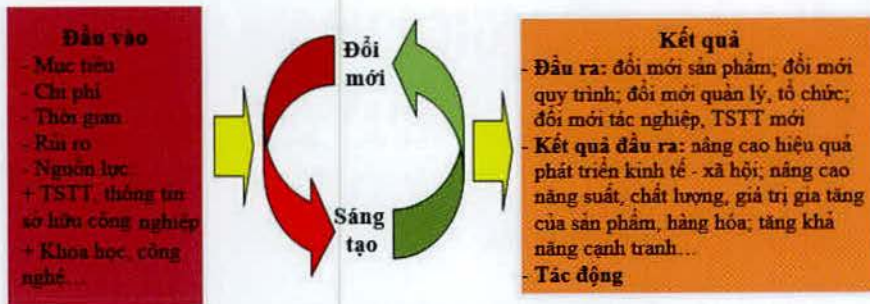
SHTT trong ĐMST

Trong hoạt động ĐMST, tùy theo ngữ cảnh mà SHTT được dùng với nghĩa là TSTT nói chung hoặc chỉ là các đối tượng quyền SHTT hoặc chỉ quyền SHTT. ĐMST là quá trình, còn SHTT là sản phẩm, là đối tượng cụ thể. SHTT có thể là kết quả của sáng tạo, nhưng SHTT cũng là yếu tố đầu vào, một nguồn lực quan trọng của đổi mới.

Yêu cầu của đổi mới thúc đẩy sáng tạo, quyết định sáng tạo và kết quả của sáng tạo là TSTT, đó là các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp..., nó cũng bao gồm các đối tượng quyền SHTT như tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh. Sáng tạo thúc đẩy tạo TSTT, các TSTT là điểm bắt đầu cho quá trình đổi mới và quyết định đổi mới. Việc vận dụng, áp dụng các TSTT này chính là quá trình chuyển hóa sáng tạo, theo đó thúc đẩy đổi mới.

Do đó, trong hoạt động ĐMST, SHTT vừa là sản phẩm, là đầu ra của quá trình ĐMST, SHTT cũng là yếu tố đầu vào, một nguồn lực quan trọng của ĐMST.

ĐMST phải xuất phát từ nguồn tri thức, ý tưởng mà phần lớn các nguồn tri thức, ý tưởng này là các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra từ khu vực các viện nghiên cứu, trường đại học. Cùng với việc tổ chức/doanh nghiệp tận dụng tri thức và chuyên gia từ bên ngoài vào quá trình đổi mới và sáng tạo trong điều kiện cắt giảm chi phí và quản lý rủi ro một cách hiệu quả. Khả năng ĐMST phụ thuộc trực tiếp vào năng lực ĐMST của chính tổ chức/doanh nghiệp đó, mà năng lực ĐMST của tổ chức/doanh



Mô hình hóa hoạt động ĐMST trong tổ chức/doanh nghiệp.

ngành lại phụ thuộc vào năng lực hấp thu của tổ chức/doanh nghiệp. Đó là năng lực thu nhận, đồng hóa công nghệ; làm chủ công nghệ; biến đổi công nghệ, khai thác công nghệ, khả năng thương mại hoá sáng chế. Do đó, căn cứ vào năng lực ĐMST, tổ chức/doanh nghiệp có thể lựa chọn ít nhất một hoặc là kết hợp các phương thức sau: i) ĐMST tiến hành từ bên trong tổ chức/doanh nghiệp; ii) ĐMST hướng vào tổ chức/doanh nghiệp: nhận các nguồn lực khoa học, công nghệ từ bên ngoài, nhận thương mại hóa quyền SHTT vào tổ chức/doanh nghiệp thông qua nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc nhận chuyển nhượng các đối tượng quyền SHTT, nhận chuyển giao công nghệ...; iii) ĐMST hướng ra bên ngoài tổ chức/doanh nghiệp: thương mại hóa quyền SHTT ra bên ngoài, chuyển giao công nghệ, bí mật kinh doanh... ra bên ngoài thông qua các hình thức liên danh, liên kết chiến lược, cho phép sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền SHTT, chuyển nhượng (bán) công nghệ hoặc thành lập các doanh nghiệp spin-out.

Vi vậy, trong hoạt động ĐMST cần lưu ý việc quản trị SHTT. Quản trị SHTT là việc quản trị và tổ chức các vấn đề SHTT trong các tổ chức/doanh nghiệp, viện nghiên cứu (công hoặc tư), trường đại học và bất kỳ tổ chức nào khác tham gia vào việc tạo ra TSTT và thương

mại hóa quyền SHTT. Quản lý SHTT được sử dụng nhằm mục đích tạo ra TSTT một cách hiệu quả, bảo vệ TSTT nhằm tăng lợi ích thu được từ việc khai thác các TSTT đó, tăng tốc độ đổi mới. Từ đó, cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức, đồng thời giúp tích lũy và đảm bảo hơn nữa giá trị của danh mục quyền SHTT. Các vấn đề SHTT được thể hiện ở các khía cạnh: tạo TSTT; quản lý danh mục đầu tư SHTT; định giá SHTT; kiểm toán SHTT; đánh giá cạnh tranh; quyết định chiến lược về việc khai thác, sử dụng TSTT.

Ngoài ra, cần thúc đẩy tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khai thác thông tin SHCN, nhất là thông tin sáng chế để phục vụ cho hoạt động ĐMST, tạo ra TSTT. Thông tin SHCN là thông tin đã được công bố trong tài liệu sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (gọi chung là sáng chế), kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu. Đó là các thông tin liên quan đến tình trạng kỹ thuật, pháp lý và kinh doanh về các đối tượng quyền SHCN, nó cũng bao gồm thông tin người nộp đơn, tác giả (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp), ngày nộp đơn, ngày ưu tiên.

*
* * *

ĐMST là quá trình, trong đó đổi mới là mục tiêu để thúc đẩy sáng tạo; sáng tạo lại là nguồn lực để

thúc đẩy đổi mới, trong đổi mới có sáng tạo, trong sáng tạo có đổi mới và ở góc độ vĩ mô, hình thành chu trình ĐMST. Kết quả của ĐMST có thể là đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, đổi mới quản lý/tổ chức, đổi mới tác nghiệp, tạo TSTT mới nhưng suy cho cùng, ở khía cạnh kinh tế - xã hội, kết quả của ĐMST là: nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa; tăng khả năng cạnh tranh... SHTT là sản phẩm, là đầu ra của quá trình ĐMST, SHTT cũng là yếu tố đầu vào, một nguồn lực quan trọng của ĐMST. Để thúc đẩy chu trình ĐMST, cần tạo lập môi trường thúc đẩy chu trình này, cũng như nâng cao hiệu quả của các nguồn lực trong việc tạo TSTT, chuyển hóa các TSTT để đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình, đổi mới quản lý, tổ chức, đổi mới tác nghiệp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khổng Quốc Minh (2022), "Một số vấn đề quản lý sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Việt Nam", *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, 11(2), tr.20-31.
2. The Oslo Manual (2005), "Guidelines for collecting and interpreting innovation data", <https://ec.europa.eu/eurostat/documents/3859598/5889925/OSLO-EN.PDF>, accessed 20 August 2023.
3. Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2013*, 96tr.
4. IP4growth (2016), *Intellectual Property Management - A Guide to Relevant Aspects*, Enhancing Intellectual Property Capacities for Agricultural Development, FED/2013/320-273, 32pp.